

Số: 15/2023/QĐST-LĐ

V, ngày 16 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Cẩm Vân

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Hoàng Diệp - Thư ký tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp: Bà Đỗ Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 42/2023/TLST-VDS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc: *Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 42/2023/QĐST-VDS ngày 09 tháng 11 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Chu Thị Thu T, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt)

ĐKKHKT tại: Khu Tb, phường Tv, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH E Phú Thọ

Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, phường V1, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Đại diện theo ủy quyền: Chị Hoàng Thị Thu H – Cán bộ nhân sự (có đơn xin vắng mặt)

2. BHXH tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Quốc T – Chức vụ: Trưởng phòng cấp sổ, thẻ (có đơn xin vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 27, thị trấn Đa, huyện Đa, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại Đơn yêu cầu ngày 12/10/2023 chị Chu Thị Thu T trình bày:

Tháng 7/2013 do chị Nguyễn Thị L không có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông, nên chị L mượn của chị T 01 bộ hồ sơ xin việc để xin làm việc tại Công ty TNHH E Phú Thọ. Sau khi ký hợp đồng, công ty TNHH E đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị L theo sổ bảo hiểm số 2513009776 đứng tên chị T. Khi chị L đang làm việc tại công ty TNHH E thì chị T làm việc tại Công ty TNHH C Việt Nam. Công ty TNHH E đóng bảo hiểm cho chị L dưới tên chị T đến hết tháng 02/2015. Từ tháng

8/2016 đến nay, chị T đi làm và tham gia Bảo hiểm xã hội theo mã số 2513009776 tại Công ty TM V.

Chị T có 2 sổ sổ bảo hiểm: Sổ số 1: 2513009776 được cấp tại Công ty TNHH E Phú Thọ (Do chị L làm việc tại đây) và sổ số 2: 0112035173 được cấp tại Công ty TNHH C Việt Nam (Do chị T trực tiếp làm tại đây). Như vậy, chị T có thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 7/2013 đến tháng 2/2015.

Nay chị T đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH E Phú Thọ và chị Chu Thị Thu T (thực tế là do chị Nguyễn Thị L ký) là vô hiệu và đề nghị BHXH tỉnh Phú Thọ thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 7/2013 đến tháng 2/2015 của sổ bảo hiểm số 2513009776 cấp tại Công ty TNHH E Phú Thọ. Chị T nhất trí số tiền thoái thu theo sự tính toán của BHXH tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH E Phú Thọ trình bày tại bản tự khai ngày 01/11/2023:

Tháng 7/2013, Công ty TNHH E Phú Thọ có ký hợp đồng lao động với chị Chu Thị Thu T. Sau khi ký hợp đồng, công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị T theo quy định đến tháng 2/2015. Công ty không còn lưu bản sao của Hợp đồng lao động trên.

Nay chị Chu Thị Thu T đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH E và chị T vào tháng 7/2013 là vô hiệu do có sự lừa dối, như theo chị T trình bày là có sự lừa dối, cụ thể: Tháng 7/2013, do chưa có bằng tốt nghiệp THPT, chị Nguyễn Thị L đã mượn chị T 01 bộ hồ sơ sơ yếu lý lịch mang tên chị Chu Thị Thu T để xin việc tại Công ty TNHH E Phú Thọ. Trong thời gian chị L làm việc dưới tên chị T tại Công ty TNHH E thì chị T đang làm việc tại Công ty TNHH C Việt Nam, vì vậy người ký hợp đồng lao động với công ty TNHH E thực tế là chị Nguyễn Thị L. Công ty TNHH E đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị L theo sổ bảo hiểm đứng tên chị T từ tháng 7/2013 đến tháng 2/2015.

Nay chị T bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội nên chị T đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH E Phú Thọ và chị Chu Thị Thu T vào tháng 7/2013 (thực tế do Nguyễn Thị L ký) là vô hiệu và thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội.

Quan điểm của Công ty TNHH E Phú Thọ về yêu cầu của chị T: Đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho công ty chúng tôi cũng như các đương sự. Công ty TNHH E Phú Thọ đồng ý việc Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH E Phú Thọ và chị Chu Thị Thu T vào tháng 7/2013 (thực tế do chị Nguyễn Thị L ký) là vô hiệu. Công ty TNHH E cũng nhất trí thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội theo sự tính toán của BHXH tỉnh Phú Thọ. Số tiền thoái thu Công ty TNHH E nhất trí trả cho người lao động thực tế ký hợp đồng với công ty là chị Nguyễn Thị L.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là BHXH tỉnh Phú Thọ trình bày tại bản tự khai ngày 01/11/2023:

Qua quá trình rà soát bảo hiểm xã hội trên hệ thống, BHXH tỉnh Phú Thọ phát hiện trường hợp chị Chu Thị Thu T, sinh năm 1994 ở: Khu Tb, phường Tv, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, có hai sổ sổ bảo hiểm xã hội:

Số sổ 1: 2513009776 được cấp tại Công ty TNHH E Phú Thọ (Do chị L làm việc tại đây);

Sổ số 2: 0112035173 được cấp tại Công ty TNHH C Việt Nam (Do chị T trực tiếp làm tại đây).

Nay chị T đề nghị Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH E Phú Thọ và chị T vào tháng 7/2013 là vô hiệu do có sự lừa dối, như theo chị T trình bày là có sự lừa dối, cụ thể: Tháng 7/2013 do chị Nguyễn Thị L không có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông, nên chị L mượn của chị T 01 bộ hồ sơ xin việc để xin làm việc tại Công ty TNHH E Phú Thọ. Sau khi ký hợp đồng, công ty TNHH E đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị L theo sổ bảo hiểm số 2513009776 đứng tên chị T. Khi chị L đang làm việc tại công ty TNHH E thì chị T làm việc tại Công ty TNHH C Việt Nam. Công ty TNHH E đóng bảo hiểm cho chị L dưới tên chị T đến hết tháng 02/2015. Từ tháng 8/2016 đến nay, chị T đi làm và tham gia Bảo hiểm xã hội theo mã số 2513009776 tại Công ty TM V.

Đối với việc đóng BHXH: Sau khi công ty và người lao động ký hợp đồng lao động sẽ gửi hồ sơ, danh sách đóng BHXH của Công ty đến Cơ quan BHXH để làm thủ tục đóng BHXH cho người lao động.

Điều này đã dẫn đến việc chị T có 02 sổ sổ bảo hiểm xã hội tại 02 công ty khác nhau tại cùng một thời điểm.

Quan điểm của BHXH tỉnh Phú Thọ về yêu cầu của chị Chu Thị Thu T như sau: Đề nghị Toà án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH E Phú Thọ và chị T vào tháng 7/2013 (do chị Nguyễn Thị L ký) là vô hiệu, thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 7/2013 đến tháng 2/2015 số tiền là **12.480.000 đồng**, hoàn trả số tiền thoái thu cho chị Nguyễn Thị L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L trình bày tại bản tự khai ngày 01/11/2023:

Tháng 7/2013, do chưa có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, chị L có mượn của chị Chu Thị Thu T 01 bộ hồ sơ xin việc để xin làm việc tại Công ty TNHH E Phú Thọ. Công ty có ký hợp đồng lao động với chị L dưới tên Chu Thị Thu T. Sau khi ký hợp đồng, công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị L theo sổ bảo hiểm số 2513009776 đứng tên chị T. Trong thời gian này, chị T làm việc tại Công ty C Việt Nam. Chị L làm việc tại Công ty TNHH E từ tháng 7/2013 đến tháng 2/2015 thì thôi việc. Do đó chị T có thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 7/2013 đến tháng 2/2015. Chị L không còn giữ bảo sao hợp đồng lao động đã ký với công ty TNHH E.

Nay chị T đề nghị Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH E Phú Thọ và chị T (Thực tế là do chị L ký) là vô hiệu do có sự lừa dối và đề nghị thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội của sổ bảo hiểm số 2513009776 đứng tên chị T, chị L nhất trí với đề nghị của chị T, đề nghị Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH E và chị T (thực tế là do chị L ký) tháng 7/2013 là vô hiệu do có sự lừa dối và thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội của sổ bảo hiểm số 2513009776. Chị L nhất trí với sự tính toán của BHXH tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, điều 401, điều 402 BLTTDS; Căn cứ Điều 127, Điều 132 Bộ luật dân sự 2005; Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị Thu T.
- Tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa chị Chu Thị Thu T và Công ty TNHH E Phú Thọ vào tháng 7/2013 là vô hiệu toàn bộ.
- Về hậu quả giao dịch dân sự vô hiệu: Đề nghị BHXH tỉnh Phú Thọ thoái thu số tiền bảo hiểm 12.480.000 đồng tại sổ bảo hiểm số 2513009776 mang tên Chu Thị Thu T từ tháng 7/2013 đến tháng 2/2015, để trả lại cho chị Nguyễn Thị L.
- Về lệ phí: Chị Chu Thị Thu T phải chịu 300.000đ lệ phí (được khấu trừ vào số tiền đã nộp lệ phí).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và thoái thu bảo hiểm xã hội quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự. Tháng 7/2013, người lao động và Công ty TNHH E Phú Thọ đã ký hợp đồng lao động tại trụ sở Công ty TNHH E Phú Thọ tại Khu công nghiệp Tv, xã Tv, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo điểm v, khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu của chị Chu Thị Thu T đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH E Phú Thọ và chị T vào tháng 7/2013 (Do chị Nguyễn Thị L mượn hồ sơ) là vô hiệu, xét thấy: Việc chị Nguyễn Thị L lấy hồ sơ tên chị Chu Thị Thu T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH E Phú Thọ là giả mạo khi giao kết hợp đồng, nên đề nghị của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật. Sau đó, Công ty TNHH E Phú Thọ đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị L (mượn tên chị T) dẫn đến có thời gian đóng trùng của 02 sổ bảo hiểm, vì vậy cần phải thoái thu số tiền đã đóng bảo hiểm xã hội theo tính toán của cơ quan BHXH tỉnh Phú Thọ.

[3] Về lệ phí: Chị Chu Thị Thu T phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39; khoản 3 Điều 367; khoản 1 Điều 149, điều 401, điều 402 BLTTDS năm 2015; Điều 122, 132 Bộ luật dân sự 2005; Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 50, điều 51 Bộ luật lao động năm 2019; Khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Chu Thị Thu T. Tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH E Phú Thọ và chị T vào tháng 7/2013 (Do chị Nguyễn Thị L mượn hồ sơ) là vô hiệu toàn bộ.

- Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: Thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 7/2013 đến tháng 2/2015 của sổ bảo hiểm

số 2513009776, cấp tại Công ty TNHH E Phú Thọ. Số tiền thoái thu căn cứ theo sự tính toán BHXH tỉnh Phú Thọ là 12.480.000 đ (Mười hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng), trả lại cho chị Nguyễn Thị L.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Chu Thị Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005621 ngày 27/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS TP V;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Cẩm Vân